

## CHƯƠNG 3



**GIÁ TRỊ THẶNG DƯ TRONG  
NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG**

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Giáo trình “**Kinh tế chính trị Mác – Lênin**” – Tài liệu tập huấn giảng dạy tháng 08/2019.
2. Daron Acemoglu và Jame A. Robinson “**Tại sao các quốc gia thất bại**”, NXB Trẻ 2017.
3. Daniel Yergin và Joseph Stanislaw, “**Những đỉnh cao của chỉ huy**”, NXB Thế giới, 2018.
4. Karl Marx “**Tư Bản**”, **Tập thứ nhất, Quyển 1, phần 1**, NXB Sự Thật, Hà Nội, 1984
5. Karl Marx “**Tư Bản**”, **Tập thứ nhất, Quyển 1, phần 2**, NXB Sự Thật, Hà Nội, 1984
6. Yuval Noah Harari “**Lược sử loài người**”, NXB Tri thức, 2017
7. Mortimer Chambers “**Lịch sử văn minh phương Tây**”, NXB Văn hóa Thông tin, 2004

Giá trị thặng dư là 1 bộ phận của giá trị mới ( V+M) dôi ra ngoài giá trị HH SLĐ do người CN tạo ra và thuộc về người sở hữu TLSX ( nhà TB)

## Tư bản là gì?

- Xét về mặt giá trị Tư bản là giá trị đem lại giá trị thặng dư
- Xét về mặt hiện vật tư bản tồn tại dưới dạng TLSX, Hàng hóa, tiền tệ.
- Tư bản thể hiện mối quan hệ xã hội trong nền SX HH TBCN

### 3.1. LÝ LUẬN CỦA KARL MARX VỀ GIÁ TRỊ THẶNG DƯ

#### 3.1.1. Nguồn gốc của giá trị thặng dư

Trình bày công thức chung của TB, Phân tích mâu thuẫn công thức chung của TB. Tại sao Mác gọi T-H-T' là công thức chung? Nhà TB cần phải làm gì để giải quyết << CTC của TB?

#### Công thức chung của tư bản

Trong lưu thông HH giản đơn Tiền vận động theo công thức:



BÁN ĐỂ MUA

H

T

H

## 3.1. LÝ LUẬN CỦA KARL MARX VỀ GIÁ TRỊ THẶNG DƯ

### 3.1.1. Nguồn gốc của giá trị thặng dư

#### Công thức chung của tư bản

Tiền là tư bản vận động theo công thức



MUA ĐỂ BÁN



## Công thức chung ( T-H-T') của tư bản

Tư bản là sự vận động của giá trị mang lại giá trị  
thặng dư (m)

Giá trị luôn luôn chuyển từ hình  
thái này qua hình thái khác

Tư bản là tiền, tư bản là  
hàng hóa

Nếu không mang hình thái  
hàng hóa, tiền không thể trở  
thành tư bản được.



## 3.1. LÝ LUẬN CỦA KARL MARX VỀ GIÁ TRỊ THẶNG DƯ

### 3.1.1. Nguồn gốc của giá trị thặng dư

#### Công thức chung của tư bản

Công thức chung  
của tư bản



$$T - H - T'$$



Công thức  
chung tạo ra sự  
lầm tưởng là  
trong sản xuất  
và lưu thông  
đều tạo ra giá  
trị thặng dư.

$$T' = T + \Delta T$$



Giá trị  
thặng dư



Tư bản là giá  
trị đem lại giá  
trị thặng dư

# Mẫu thuẫn công thức chung của tư bản

Trong lưu thông

Trao đổi ngang giá



Không tạo ra giá trị thặng dư ( m)

# Trao đổi không ngang giá



Nếu hàng hóa hóa bán được cao hơn giá trị thì người bán sẽ có lời, ngược lại bán thấp hơn giá trị thì người mua sẽ có lời. Nhưng trong nền KTHH, mỗi người sản xuất vừa là người bán vừa là người mua. Vì vậy, cái lợi mà họ thu được sẽ bù lại cái thiệt khi mua.



Người mua: 12đ

**Không tạo ra giá trị thặng dư (m)**

## Mâu thuẫn công thức chung của tư bản

- Chuyên mua rẻ bán đắt ( cá biệt): Tổng giá trị trước trao đổi = Tổng giá trị sau trao đổi, chỉ có phần giá trị trong tay mỗi bên là thay đổi.  
=> Không tạo ra m

## Ngoài lưu thông

- ☐ Xét yếu tố tiền: Tiền cất trữ sẽ không tự lớn lên



- ☐ Xét yếu tố hàng hóa: TLSX để trong kho => không làm tăng thêm giá trị => không tạo ra m

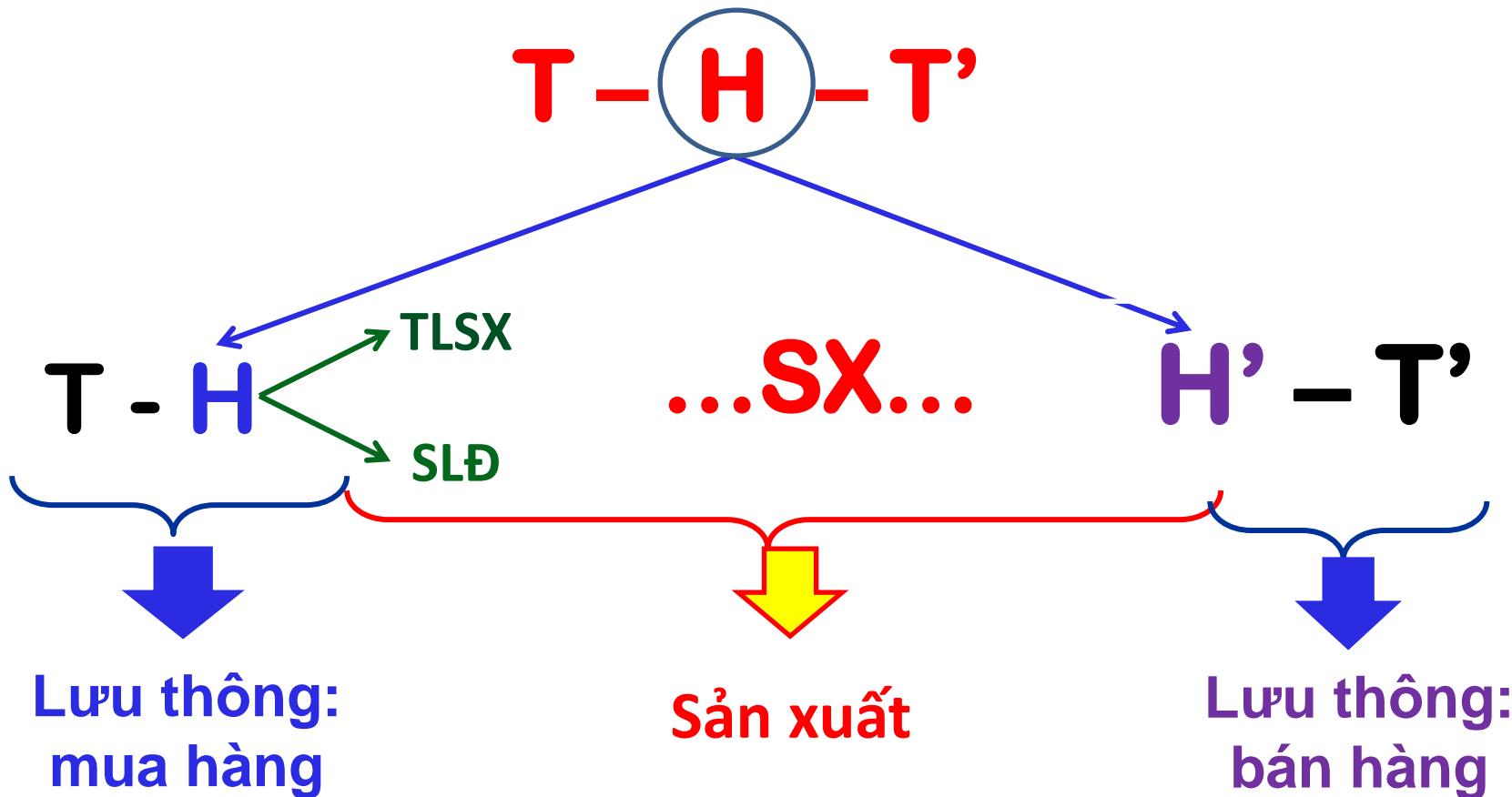
## Mâu thuẫn công thức chung của tư bản

*“Vậy là tư bản không thể xuất hiện từ lưu thông và cũng không thể xuất hiện ở bên ngoài lưu thông.  
Nó phải xuất hiện trong lưu thông và đồng thời không phải trong lưu thông” [2;tr216]*

Lưu thông không thể tạo ra giá trị mà chỉ là phân phối lại giá trị

Kết luận: Giá trị thặng dư được tạo ra trong sản xuất nhưng công thức T- H –T' cho thấy rằng giá trị cũng được tạo ra trong lưu thông, phải cần có quá trình lưu thông thì nhà tư bản mới thu về được số tiền đầu tư ban đầu và giá trị thặng dư. Đây chính là mâu thuẫn công thức chung của tư bản

## Công thức chung của tư bản



## TẠI SAO C. MÁC GỌI ĐÂY LÀ CÔNG THỨC CHUNG CỦA TB?

Vì dù ở hình thái nào hay trong lĩnh vực nào thì tư bản cũng vận động theo công thức này.

Nhà TB cần phải làm gì để giải quyết mâu thuẫn công thức chung?

Nhà TB cần tìm trên thị trường một loại hàng hóa đặc biệt, có khả năng tạo ra giá trị mới, trong đó có giá trị thặng dư. Hàng hóa này chính là hàng hóa **Sức lao động**.

### 3.1.1. Nguồn gốc của giá trị thặng dư

Hàng hóa sức lao động là nguồn gốc để tạo ra giá trị thặng dư

**SLĐ LÀ GÌ? ĐIỀU KIỆN ĐỂ SLĐ TRỞ THÀNH HH. TẠI SAO HH SLĐ LẠI ĐẶC BIỆT?**

**TẠI SAO HH SỨC LAO ĐỘNG LÀ CHÌA KHÓA ĐỂ GIẢI QUYẾT MÂU THUẪN CÔNG THỨC CHUNG CỦA TƯ BẢN?**

“Sức lao động hay năng lực lao động là **toàn bộ những năng lực thể chất** và **tinh thần** tồn tại trong một cơ thể, trong một con người đang sống, và được người đó đem ra vận dụng mỗi khi sản xuất ra một giá trị sử dụng nào đó” [4;218]

**SLĐ =**



## Hàng hóa sức lao động

**Hai điều kiện để sức lao động trở thành hàng hóa.**

1. NLĐ phải được tự do về thân thể



2. Không có đủ TLSX cần thiết để nuôi sống bản thân



## Hàng hóa sức lao động

### Sức lao động là hàng hóa đặc biệt

(1) Tồn tại trong cơ thể con người.

(2) Bán trong 1 thời gian nhất định mà thôi.

(3) Bán sức lao động, người bán vẫn không từ bỏ quyền sở hữu sức lao động ấy.

(4) Hàng hóa SLĐ có giá trị tinh thần và lịch sử.

“Để chuyển hóa tiền thành tư bản, người chủ tiền phải tìm được người lao động tự do trên thị trường hàng hóa, tự do theo 2 nghĩa: theo nghĩa con người tự do, chi phối được sức lao động của mình với tư cách là một hàng hóa, mặt khác anh ta không có một hàng hóa nào để bán”

[4;220]

## Hàng hóa sức lao động

### Hai thuộc tính của hàng hóa sức lao động: Giá trị và giá trị sử dụng

**Giá trị HH SLĐ là số lượng thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất, tái sản xuất ra SLĐ quyết định.**



**Thời gian cần thiết để SX ra SLĐ = Thời gian lao động cần thiết để SX ra những tư liệu sinh hoạt nuôi sống người có SLĐ ấy**



#### Yếu tố tinh thần và lịch sử

Giá  
trị  
hang  
hoa  
SLĐ



Giá trị tư  
liệu sinh  
hoạt vật  
chất và  
tinh thần  
cần thiết



Phí tổn  
đào tạo



Giá trị nhũng  
tư liệu sinh  
hoạt vật chất  
và tinh thần  
cần thiết cho  
con cái họ

## Hai thuộc tính của hàng hóa sức lao động: Giá trị và giá trị sử dụng

Giá trị sử dụng của hàng hóa SLĐ cũng để thỏa mãn nhu cầu của người mua

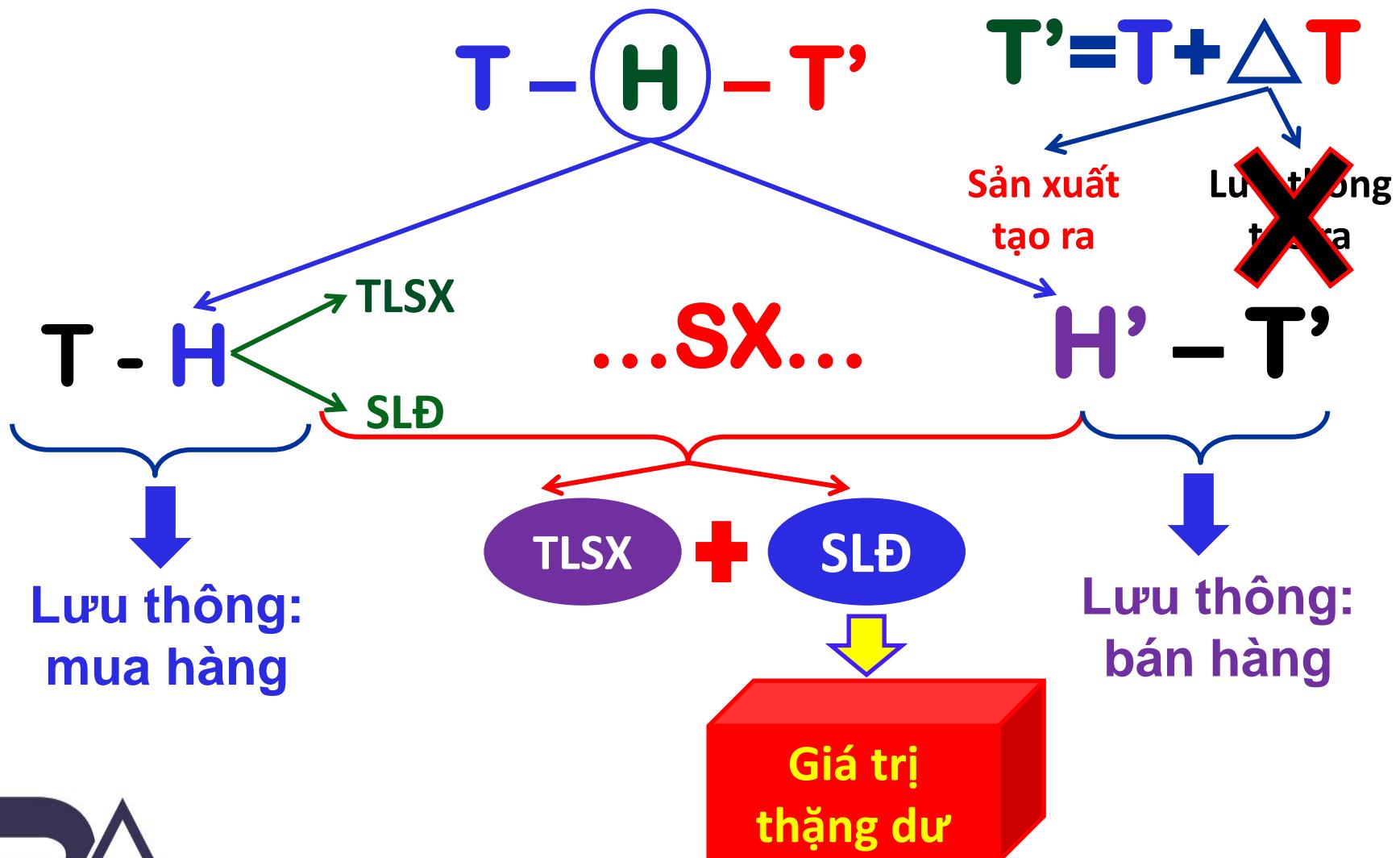


Thể hiện ra trong quá trình LĐ tức là quá trình SX ra sản phẩm



Tính chất đặc biệt của hàng hóa SLĐ là khi sử dụng, nó tạo ra giá trị mới ( $v+m$ ) lớn hơn giá trị bản thân nó. K. Marx khẳng định, nguồn gốc giá trị thặng dư do sức lao động tạo ra. Đây là chìa khóa để giải quyết mâu thuẫn CTC của TB.

### 3.1.1 Nguồn gốc giá trị thặng dư



### 3.1.1. Nguồn gốc của giá trị thặng dư

#### Quá trình sản xuất giá trị thặng dư

1. Công nhân làm việc dưới sự kiểm soát của nhà tư bản



2. Sản phẩm làm ra thuộc về nhà tư bản.



Quá trình sản xuất giá trị thặng dư là sự thống nhất của quá trình tạo ra và làm tăng giá trị.

## ➤ Quá trình sản xuất giá trị thặng dư

Chi phí sản xuất (c+v)	Chi phí sản phẩm mới (20 kg sợi) (c+v+m)
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiền mua bông (20 kg): 20 USD</li> <li>- Tiền hao mòn máy móc: 4 USD</li> <li>- Tiền mua SLĐ 1 ngày (12h): 3 USD</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá trị của bông được chuyển vào sợi: 20 USD</li> <li>- Giá trị của máy móc được chuyển vào sợi: 4 USD</li> <li>- <b>Giá trị mới (v+m) do công nhân tạo ra trong 12h lao động: 6 USD</b></li> </ul>
Tổng cộng: <b>27 USD</b>	Tổng cộng: <b>30 USD</b>
<b>20 + 4 + 3 = 27</b>	<b>20 + 4 + 6 = 30</b>

**Giá trị thặng dư TBCN (m)** là một bộ phận của **giá trị mới (v+m)** dôi ra ngoài giá trị sức lao động do người bán sức lao động( người LĐ làm thuê ) tạo ra và thuộc về nhà tư bản ( người mua hàng hóa SLĐ).

# TẠI SAO NHÀ TƯ BẢN BÁN HÀNG ĐÚNG GIÁ TRỊ MÀ VẪN THU ĐƯỢC GIÁ TRỊ THẶNG DƯ?

Có 2 cách trả lời

**Cách trả lời thứ 1:**

Giá trị HH ( C+V+M)

Giá trị thặng dư ( M)

Giá trị thặng dư là 1 bộ phận cấu thành nên giá trị hàng hóa, giá trị thặng dư được tạo ra trong sản xuất. Nên dù bán hàng đúng giá trị theo nguyên tắc ngang giá thì nhà TB vẫn thu được giá trị thặng dư.

**Cách trả lời thứ 2:**

Nhà TB là đối tượng sở hữu TLSX, nên toàn bộ giá trị mới (V+M) do công nhân tạo ra sẽ thuộc về nhà TB, nhưng vì nhà TB trả công cho công nhân một phần bằng đúng giá trị sức lao động, cho nên, phần giá trị thặng dư (m) mà nhà TB thu được = giá trị mới – giá trị sức lao động.

## **Việc nhà TB thu giá trị thặng dư là có hợp lý không?**

Ngày nay, việc này là hợp lý vì đây là bản chất của nền SXHH TBCN và cũng là điều thúc đẩy KTTT phát triển. Giải quyết việc làm cho CN, nâng cao thu nhập, tăng trưởng kte cho quốc gia. Tuy nhiên, Chính phủ các nước cần có chính sách điều tiết thu nhập từ các nhà TB, và chính sách giảm tình trạng người CN bị bóc lột SLĐ. Và nguồn m mà NN thu được sẽ phục vụ cho xây dựng kết cấu hạ tầng chung phục vụ cho người dân.

# MỐI QUAN HỆ GIỮA GIÁ TRỊ HÀNG HÓA (C+V+M) VÀ GIÁ TRỊ THẶNG DƯ (M) ?

	C+V+M( giá trị hàng hóa)	M ( giá trị thặng dư)
Giống nhau	Do hao phí lao động xã hội của người sản xuất hàng hóa kết tinh trong hàng hóa tạo ra.	
Khác nhau	Giá trị HH biểu hiện mối quan hệ sản xuất xã hội giữa những người SXHH	Giá trị thặng dư là biểu hiện mối quan hệ giữa người sở hữu TLSX và người sở hữu hàng hóa sức lao động (giữa nhà TB và người làm thuê).
	Là sự kết tinh giữa lao động quá khứ (C) và lao động hiện tại tức lao động tạo ra giá trị mới ( V+M)	Là một phần của giá trị mới (V+M), và là bộ phận cấu thành nên giá trị hàng hóa.

## Thế nào là nhà tư bản

Người chủ tiền trở  
thành nhà tư bản → **T – H – T'**



# Trong nền KTTT định hướng XHCN ở VN hiện nay thì có nên khuyến khích nhà TB đầu tư hay không?

Nên khuyến khích nhà TB đầu tư vào VN.

Vì nhà TB sẽ giải quyết vấn đề việc làm cho người LĐ, giúp ng LĐ có thu nhập, nâng cao mức sống. Việc nhà TB đầu tư vào VN góp phần thúc đẩy khoa học, công nghệ phát triển, thúc đẩy các DN vừa và nhỏ để tăng khả năng cạnh tranh thì cần đổi mới CN và phương thức quản trị, quản lý sx...Nhà TB hoạt động SX, KD sẽ đóng góp thuế sẽ tăng nguồn thu ngân sách nhà nước, góp phần tăng trưởng kinh tế đất nước.

### 3.1.1. Nguồn gốc của giá trị thặng dư

#### Tư bản bất biến và tư bản khả biến

Về hiện vật tư bản tồn tại dưới hình thái TLSX và SLĐ

C : Tư bản  
bất biến

C<sub>1</sub> : Giá trị nhà xưởng,  
máy móc, thiết bị

C<sub>2</sub> : Giá trị nguyên  
nhiên, vật liệu



“Bộ phận tư bản biến thành TLSX, tức là thành nguyên liệu, vật liệu phụ và tư liệu lao động **không thay đổi đại lượng giá trị của nó**... gọi là tư bản bất biến”

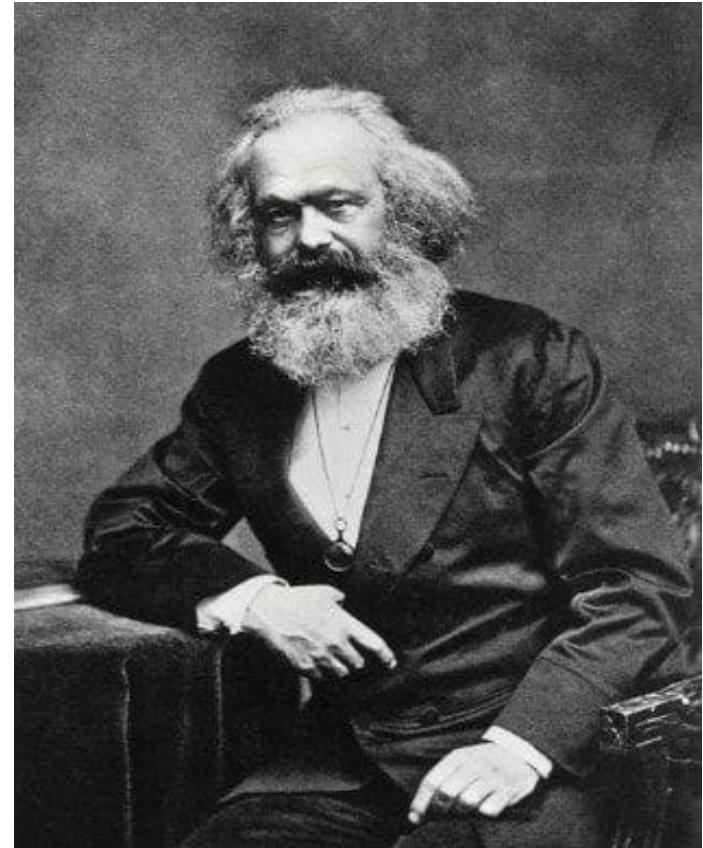
[4;269] ký hiệu (c)



## Tư bản bất biến và tư bản khả biến

### V: Sức lao động (tư bản khả biến)

**Bộ phận tư bản biến thành sức lao động** lại thay đổi giá trị của nó trong quá trình sản xuất. Nó tái sản xuất ra vật ngang giá với bản thân nó, và ngoài ra còn sản xuất ra một số dư, tức là giá trị thặng dư... gọi là **tư bản khả biến** (v)



K. Marx (1818 -1883)

## Dưới gốc độ của quá trình tạo ra giá trị thặng dư

Tư bản bất biến ( C )

Tư bản khả biến (V)

Bộ phận tư bản biểu hiện dưới hình thức TLSX	Bộ phận tư bản biểu hiện dưới hình thức SLĐ
Trong quá trình sản xuất không thay đổi lượng giá trị	Trong quá trình sản xuất đã làm tăng lượng giá trị (thay đổi về lượng)
Là điều kiện để tạo ra giá trị thặng dư	Là nguồn gốc tạo ra giá trị thặng dư

**Trong nền KTTT hiện nay, khi KH,CN phát triển thì máy móc có tạo ra giá trị thặng dư không?**

### 3.1.1. Nguồn gốc của giá trị thặng dư

Có quan điểm cho rằng tiền công là giá cả của lao động. E có đồng ý với quan điểm trên hay không? Dựa trên lý luận của KTCT M-L, em hãy giải thích ý kiến trên.

#### ➤ Tiền công

Nhà tư bản thuê công nhân trả cho một số tiền nhất định gọi là **tiền công**.

Tiền công này không phải là giá trị hay giá cả của lao động



Lao động không phải là hàng hóa, cái mà người công nhân bán cho nhà tư bản đó chính là sức lao động.

### 3. Tiền công trong CNTB

#### 3.1 Bản chất của tiền công

Các nhà Tư sản cho rằng:

Tiền công là  
giá cả của  
lao động

Nhà TB trả tiền công cho CN sau  
khi họ đã hao phí SLĐ

Tiền công được trả theo TGLĐ  
hoặc số lượng sản phẩm .

Là biểu hiện bằng tiền  
của giá trị HH SLĐ, là  
giá cả của HH SLĐ.

1

2

Tạo ra sự nhầm tưởng là toàn bộ lao động mà công nhân đã  
hao phí đều được nhà tư bản trả công đầy đủ, công bằng.

- Lao động tạo ra giá trị của hàng hóa nhưng bản thân lao động không phải là hàng hóa, chỉ có sức lao động mới trở thành hàng hóa. Nhà tư bản mua của công nhân là sức lao động => Vì vậy, tiền công là giá trị hay giá cả của SLĐ vì người CN bán SLĐ của họ chứ không phải bán lao động.

➤ Tiền công

- **Tiền công theo thời gian:** là hình thức mà số lượng của nó nhiều hay ít tùy theo thời gian lao động làm việc dài hay ngắn



- **Tiền công theo sản phẩm:** là hình thức mà số lượng của nó phụ thuộc vào số lượng sản phẩm được làm ra



Bộ phận lao động hành chính, văn phòng, bảo vệ, lao công...

Thích hợp cho

Bộ phận sản xuất

### 3.3 Tiền công danh nghĩa và tiền công thực tế

Tiền công danh nghĩa là số tiền mà CN nhận được do bán SLĐ.

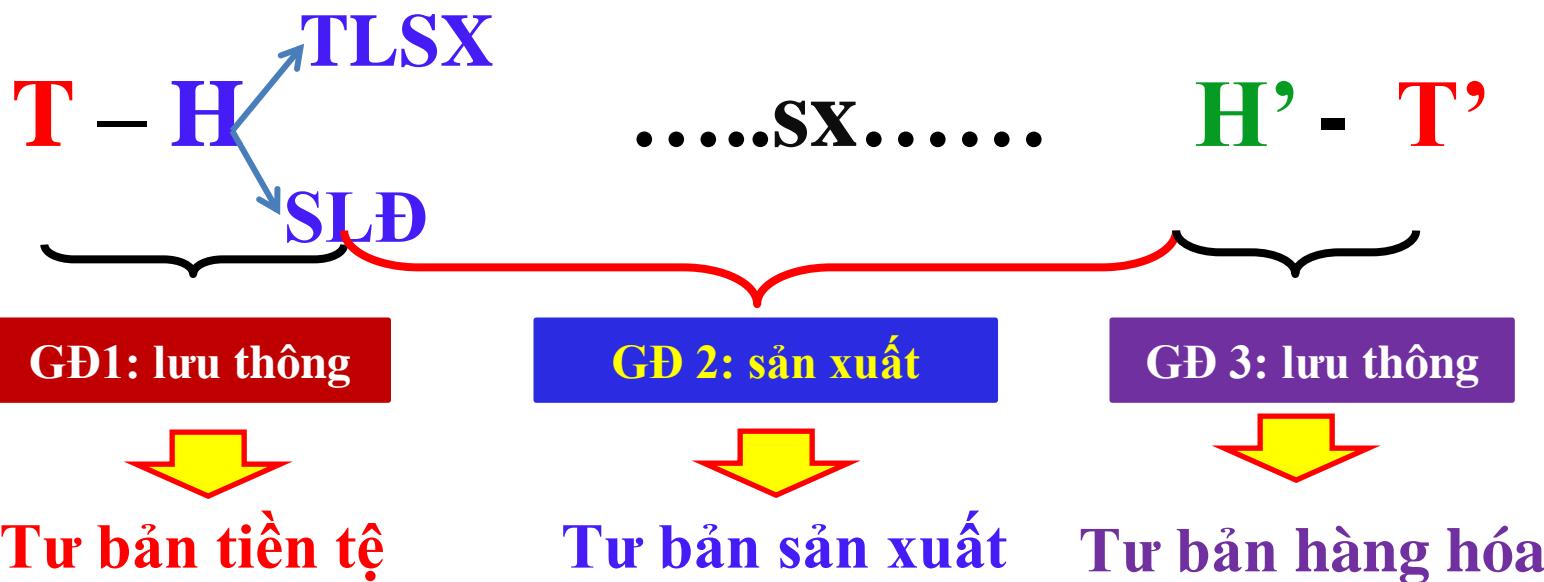
Tiền công thực tế là tiền công được biểu hiện bằng số lượng hàng hóa tư liệu tiêu dùng và dịch vụ mà người CN mua được bằng tiền công danh nghĩa.



### 3.1.1. Nguồn gốc của giá trị thặng dư

#### ➤ Tuần hoàn của tư bản

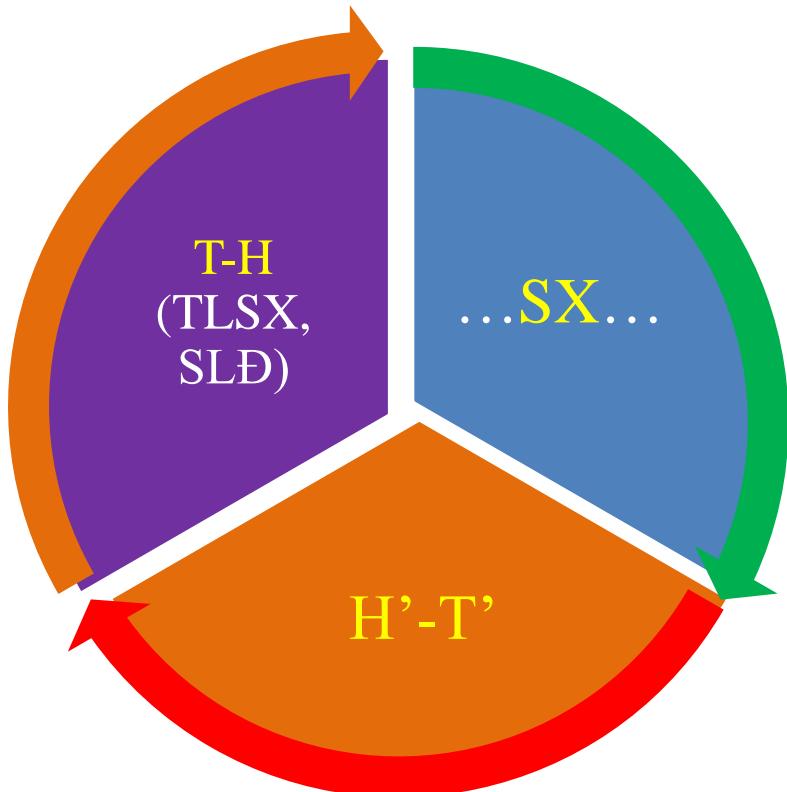
**Tuần hoàn tư bản** là sự vận động của tư bản trải qua ba giai đoạn, lần lượt mang ba hình thái khác nhau, thực hiện 3 chức năng khác nhau rồi quay lại với hình thái ban đầu có kèm theo giá trị thặng dư.



### 3.1.1. Nguồn gốc của giá trị thặng dư

#### ➤ Chu chuyển của tư bản

**Chu chuyển tư bản:** là quá trình **tuần hoàn tư bản lặp đi lặp lại không ngừng**



Thời gian chu chuyển = **thời gian sản xuất + thời gian lưu thông**

➤ Chu chuuyển của tư bản

- **Tốc độ chu chuuyển:** là số vòng (lần) chu chuuyển tư bản trong 1 năm.

$$n = \frac{CH}{ch}$$

**n:** số vòng chu chuuyển

**CH:** thời gian trong năm

**Ch:** thời gian cho 1 vòng chu chuuyển

**VD:** 1 tư bản có thời gian 1 vòng chu chuuyển là 3 tháng thì tốc độ chu chuuyển trong năm là:

$$n = \frac{12 \text{ tháng}}{3 \text{ tháng}} = 4 \text{ vòng}$$

# ➤ Tư bản cố định và tư bản lưu động

## - Tư bản cố định

**Tư bản cố định:** là bộ phận tư bản **tồn tại dưới dạng máy móc, thiết bị, nhà xưởng...** về hiện vật tham gia toàn bộ vào quá trình sản xuất nhưng giá trị của nó bị khấu hao từng phần và được chuyển dần vào sản phẩm mới được sản xuất ra





## - Tư bản cố định

- **Tư bản cố định bị hai mòn hữu hình và hao mòn vô hình**



**Mec E 280 (2005- 2008):** giá  
mới: 127.000 USD

Hao mòn vô  
hình



**Mec E 280 (2005-2008)**  
**Giá 2018: 70.000 USD**

Hao mòn vô  
hình + hữu hình



## ➤ Tư bản cố định và tư bản lưu động

### - Tư bản lưu động

**Tư bản lưu động:** là bộ phận tư bản sản xuất tồn tại dưới dạng nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu phụ, sức lao động... giá trị của nó được chuyển toàn bộ vào sản phẩm mới



C – TLSX: TB Bất Biến

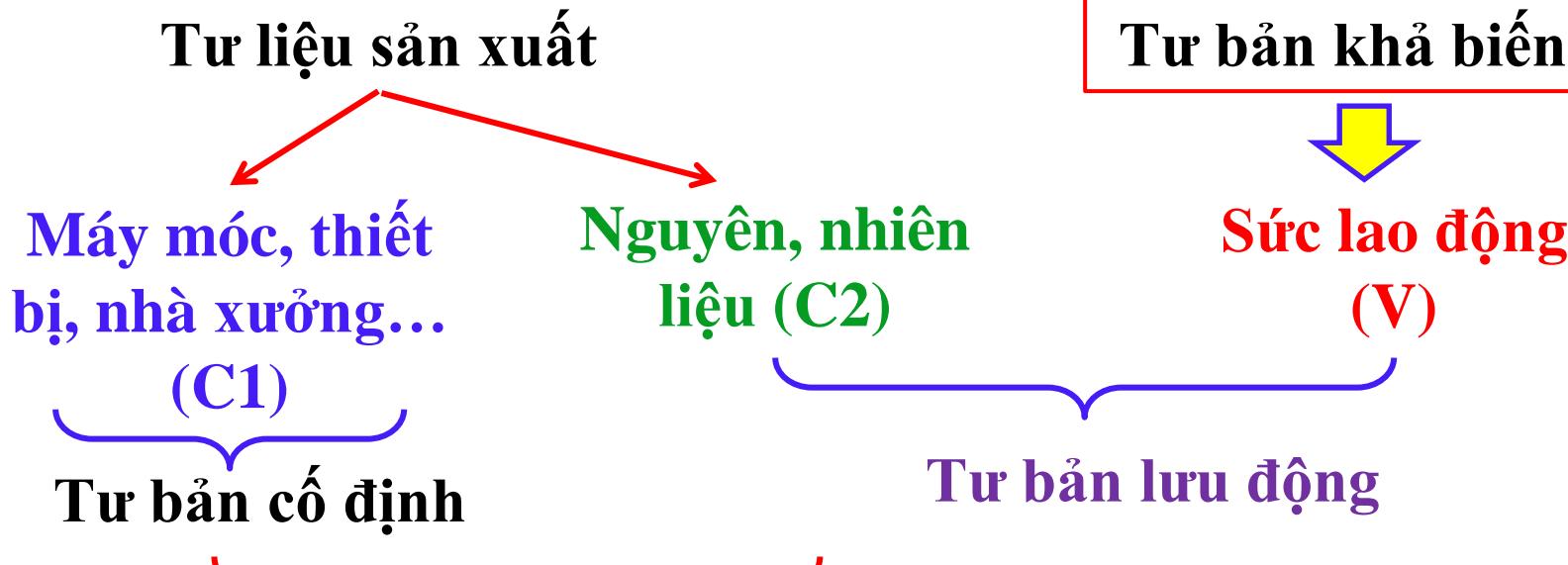
C1: Máy móc, dây chuyền SX, đất đai -> TB cố định -> Giá trị chuyển vào giá trị SP từ từ, dần dần -> tính dạng khấu hao

C2: Nguyên, vật liệu, nhiên liệu

V: TB Khả biến

=> C2+V: TB Lưu động, Giá trị chuyển hết vào giá trị SP mới

❖ Mọi quan hệ giữa tư bản bất biến, tư bản khả biến với tư bản cố định, tư bản lưu động



- **Tư bản bất biến (C) = C1 + C2**
- **Tư bản khả biến: V**
- **Tư bản cố định: C1**
- **Tư bản lưu động: C2 + V**

### 3.1.2. Bản chất của giá trị thặng dư TBCN

Bản chất của GTTD TBCN phản ánh quan hệ xã hội mà trong đó giai cấp tư sản chiếm đoạt giá trị thặng dư do giai cấp công nhân tạo ra



### 3.1.2. Bản chất của giá trị thặng dư TBCN

#### ➤ Tỷ suất và khối lượng giá trị thặng dư

-**Tỷ suất giá trị thặng dư:** là tỷ số tính theo % giữa giá trị thặng dư và tư bản khả biến tương ứng để sản xuất ra giá trị thặng dư đó.  
(ký hiệu m'):

$$m' = \frac{m}{v} \times 100\%$$

$$m' = \frac{\text{Thời gian lao động thặng dư}}{\text{Thời gian lao động cần thiết}} \times 100\%$$

“Vậy tỷ suất giá trị thặng dư là biểu hiện chính xác của mức độ tư bản bóc lột sức lao động, hay mức độ nhà tư bản bóc lột người công nhân” [4;279]

### 3.1.2. Bản chất của giá trị thặng dư

#### ➤ Tỷ suất và khối lượng giá trị thặng dư

**-Khối lượng giá trị thặng dư:** là tích số giữa giá trị thặng dư và tổng tư bản khả biến đã được sử dụng, ký hiệu là (M).

$$M = \frac{m}{v} x V$$



$$M = m' x V$$

v: Tư bản khả biến cho 1 giá trị SLĐ

V: Tổng tư bản khả biến.

Có 1000 CN, 1 tháng trả cho 1000 CN là 1 tỷ, với tỷ suất giá trị thặng dư ( m') =100%. Hỏi khối lượng giá trị thặng dư thu được ( M) ? 1 tỷ

## ❖ Bóc lột sức lao động

Thời gian lao động quá khứ (c)

Thời gian lao động cần thiết (v)

Thời gian lao động thặng dư (m)

- Nhà tư bản mua sức lao động (v) **theo nguyên tắc ngang giá**, sau khi tiêu dùng nó thu được một lượng (v + m). m là lao động thặng dư đã được vật hóa.
- **Nhà tư bản thèm khát vô hạn đối với lao động thặng dư** nên tìm mọi cách kéo dài nó **không bị pháp luật hạn chế**. Kéo dài ngày lao động quá mức và sử dụng lao động trẻ em, vắt kiệt tinh thần và thể xác người lao động. Marx gọi cách khai thác như vậy là bóc lột sức lao động.

Lao động cần thiết

Lao động thặng dư

Thời gian nghỉ ngơi

Ngày lao động (15,14, 13,12h)

TGLĐCT là TG cần thiết để ng lđ tạo ra  
khối lượng HH bằng với giá trị mà ng lđ  
nhận được.

TGLĐ Thặng dư là TG mà ng lđ tạo ra HH có giá trị  
nhưng ng lđ không được tiền công cho tгian này.

### 3.1.3. Các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư.

Trình bày các PP SX m, tại sao giá trị thặng dư siêu ngạch là hình thức biến tướng của giá trị thặng dư tương đối. Nhà TB làm gì để thu m siêu ngạch

- **Sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối:** là phương pháp được thực hiện trên cơ sở **kéo dài tuyệt đối ngày lao động** của công nhân trong điều kiện thời gian lao động cần thiết không đổi.

6h lao động cần thiết

6h lao động thặng dư

$$m' = \frac{\text{Thời gian lao động thặng dư}}{\text{Thời gian lao động cần thiết}} = \frac{6\text{ h}}{6\text{ h}} = 100\%$$

**Thời gian lao động nước Anh (Luật công xưởng):**

- **Năm 1833:** 15h/ngày (5h30 – 20h30) đối với người trưởng thành và 12h đối với thiếu niên từ 13-18 tuổi.
- **Từ 1844-1847:** ngày lao động 12h.
- **Từ 1/7/1847:** 11h đối với thiếu niên (13-18 tuổi) và nữ công nhân và còn 10h từ 01/1848.
- **Năm 1886:** 8h lao động/ngày (Mỹ)

### 3.1.3. Các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư.

- Sản xuất giá trị thặng dư tương đối: được thực hiện bằng cách rút ngắn thời gian lao động cần thiết lại để kéo dài một cách tương ứng thời gian lao động thặng dư trên cơ sở **tăng năng suất lao động xã hội** trong điều kiện độ dài ngày không đổi.

2h ld cần thiết

6g tglđ thặng dư

Ngày làm 8h

Tăng năng suất lao động

Áp dụng máy móc,  
công nghệ mới

Áp dụng phương  
pháp quản lý mới

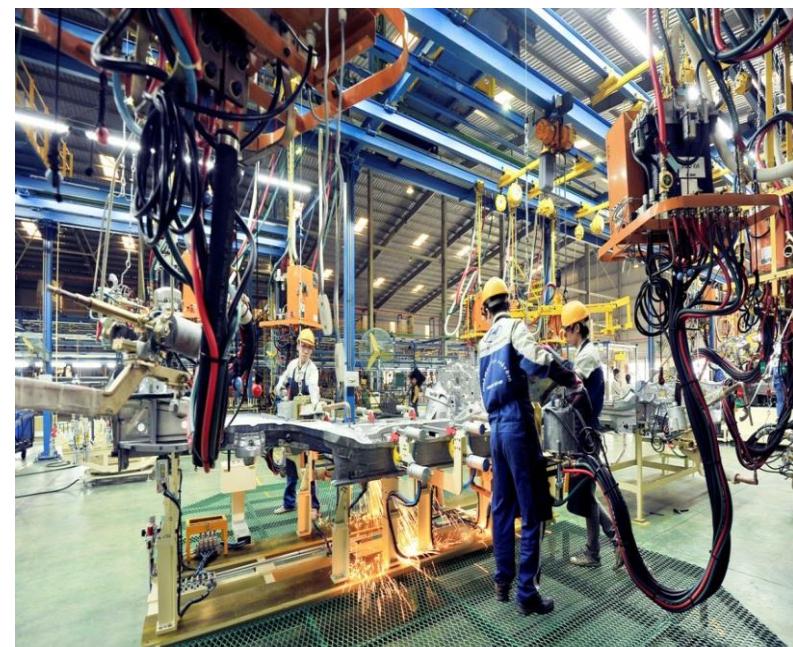
.....  
.....

❖ Máy móc có tạo ra giá trị thặng dư hay không?

Máy móc – tư liệu lao động đặc trưng cho thời đại công nghiệp, làm tăng sức sản xuất so với công trường thủ công.

**“Cũng như mọi bộ phận cấu thành khác của tư bản bất biến, máy móc không tạo ra giá trị nào cả, nhưng nó chuyển giá trị bản thân nó vào sản phẩm mà nó được dùng để chế tạo ra”**  
**[4;490]**

Máy móc biến một bộ phận tư bản trước kia là khả biến thành máy móc, tức thành tư bản bất biến. Sử dụng máy móc vào sản xuất là phương pháp hữu hiệu nhất để rút ngắn thời gian lao động cần thiết, kéo dài thời gian lao động thặng dư.



### 3.1.3. Các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư.

**- Giá trị thặng dư siêu ngạch:** là phần giá trị thặng dư thu được do **tăng năng suất lao động cá biệt**, làm cho giá trị cá biệt của hàng hóa thấp hơn giá trị thị trường của nó

Mặc gọi giá trị thặng dư siêu ngạch **là hình thức biến tướng của giá trị thặng dư tương đối**, cùng dựa trên cơ sở tăng năng suất lao động, tuy nhiên có một số điểm đặc biệt:

Giá trị thặng dư siêu ngạch	Giá trị thặng dư tương đối
- Do <b>tăng năng suất lao động cá biệt, khai phá 1 ngành kinh doanh mới</b>	- Do <b>tăng năng suất lao động xã hội</b>
- <b>Nhà tư bản cá biệt thu được</b>	- <b>Toàn bộ giai cấp tư bản thu được</b>
- <b>Quan hệ nhà tư bản với công nhân</b>	- <b>Quan hệ giai cấp tư bản với giai cấp công nhân</b>

## 3.2. TÍCH LŨY TƯ BẢN

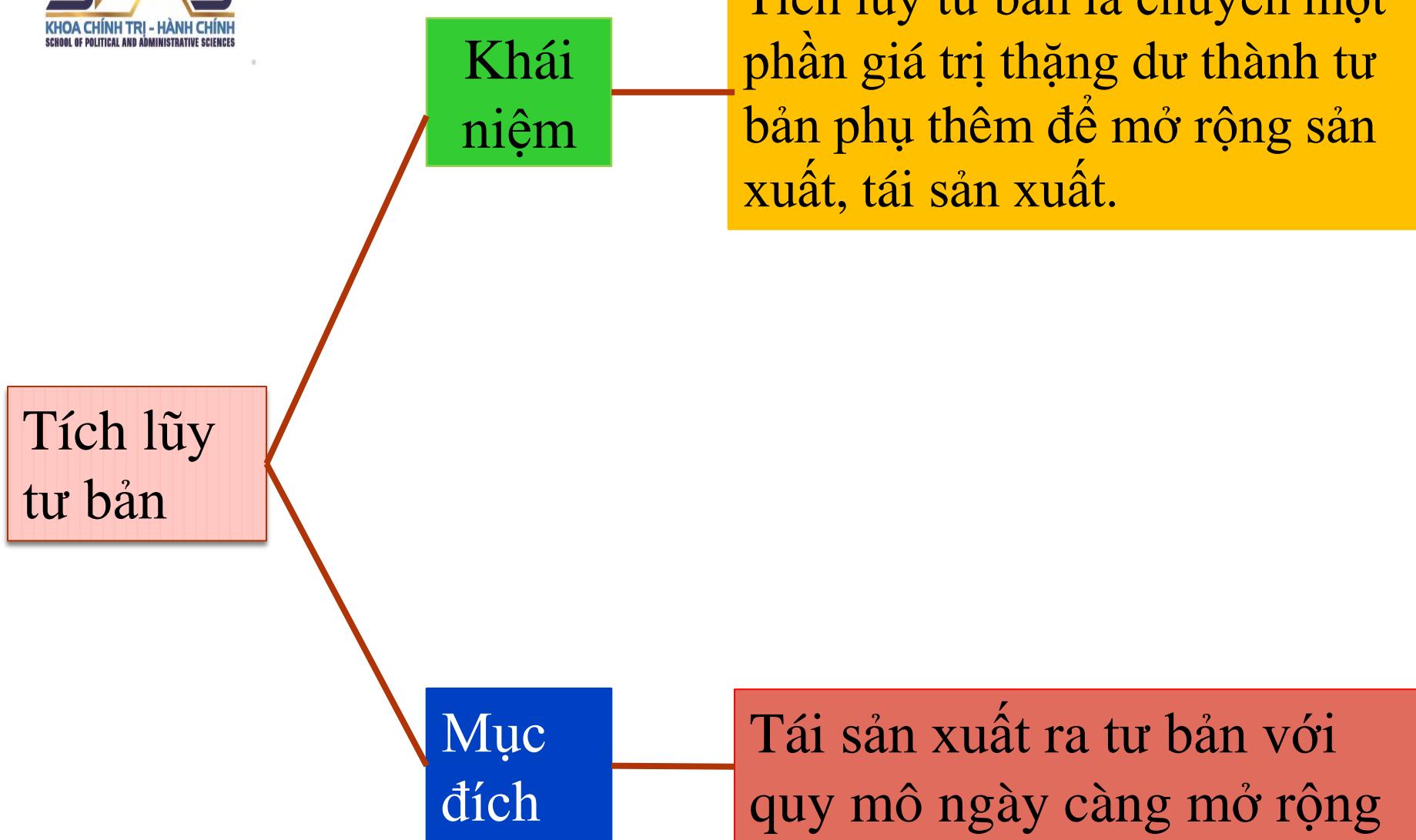
### 3.2.1. Bản chất của tích lũy tư bản.

Tái sản xuất

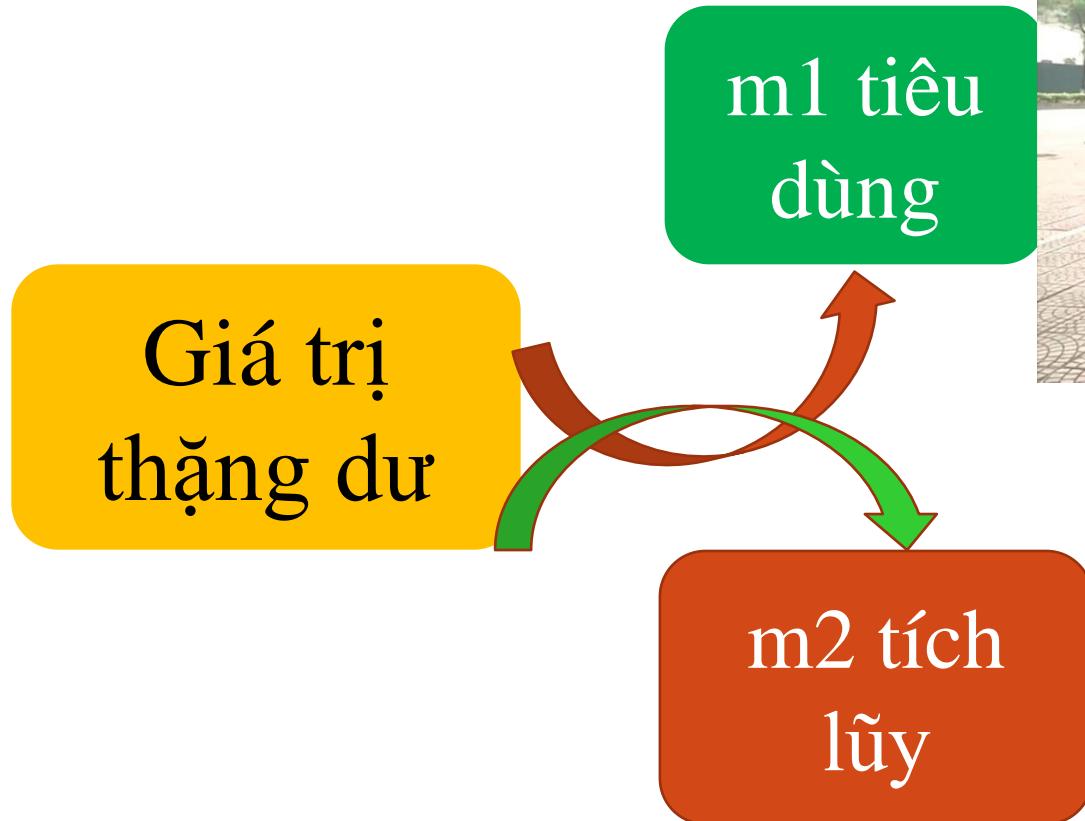


Tái sản xuất giản đơn

Tái sản xuất mở rộng



Tích lũy tư bản là sự chuyển của một phần của giá trị thặng dư thành tư bản



## 3.2. TÍCH LŨY TƯ BẢN

### 3.2.2. Những nhân tố góp phần làm tăng quy mô tích lũy

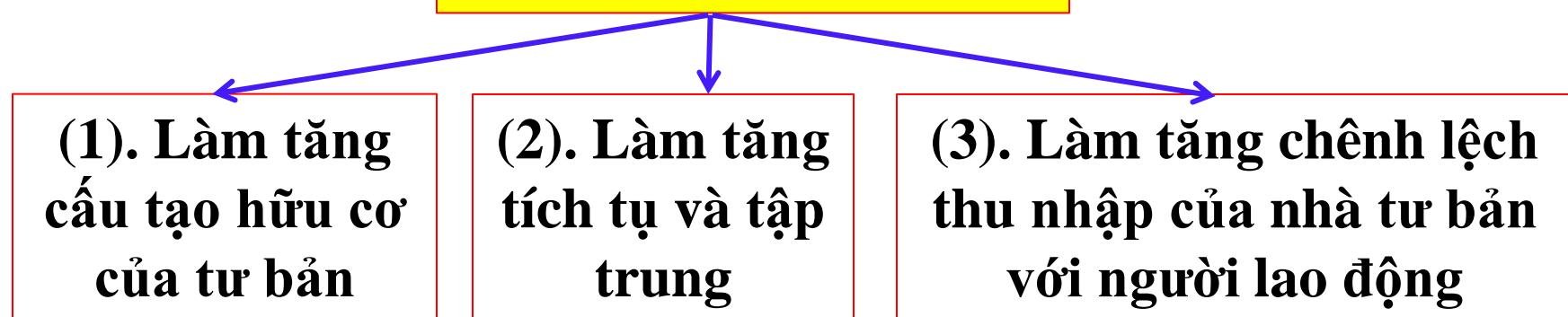
Tăng  
quy  
mô  
tích  
lũy

- (1). Nâng cao tỷ suất giá trị thặng dư
- (2). Tăng năng suất lao động
- (3). Sử dụng hiệu quả máy móc
- (4). Đại lượng tư bản ứng trước

## 3.2. TÍCH LŨY TƯ BẢN

### 3.2.3. Một số hệ quả của tích lũy tư bản

#### HỆ QUẢ CỦA TÍCH LŨY



VD: Tư bản đầu tư ( $C+V$ ) là 100, cấu tạo hữu cơ  $C/V = 4/1$ ,  $m' = 100\%$ , tỉ lệ giữa tích lũy và tiêu dùng là 5-5. ( $m' = m/v \cdot 100\%$ , mà  $m' = 100\% \Rightarrow m = v$ ). Tính giá trị HH qua năm 1, 2.

Sau 1 năm SX nhà TB thu được HH có giá trị

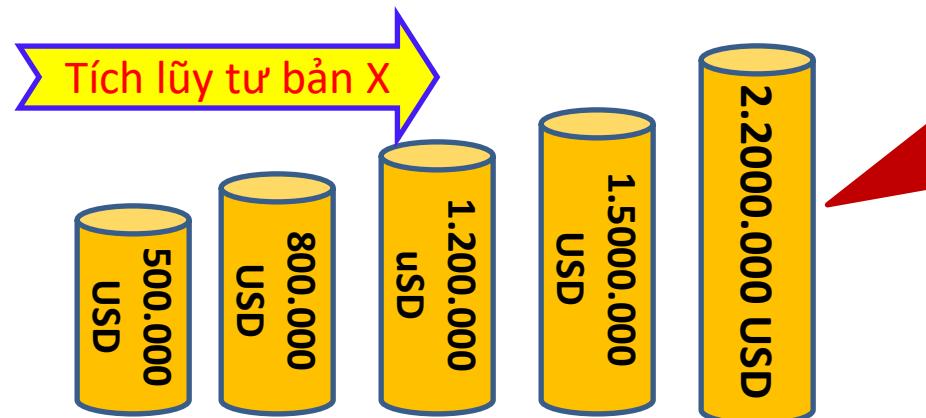
$$80 + 20 + 20 = 120$$

Năm thứ hai, nhà TB tích lũy m theo tỷ lệ 5:5

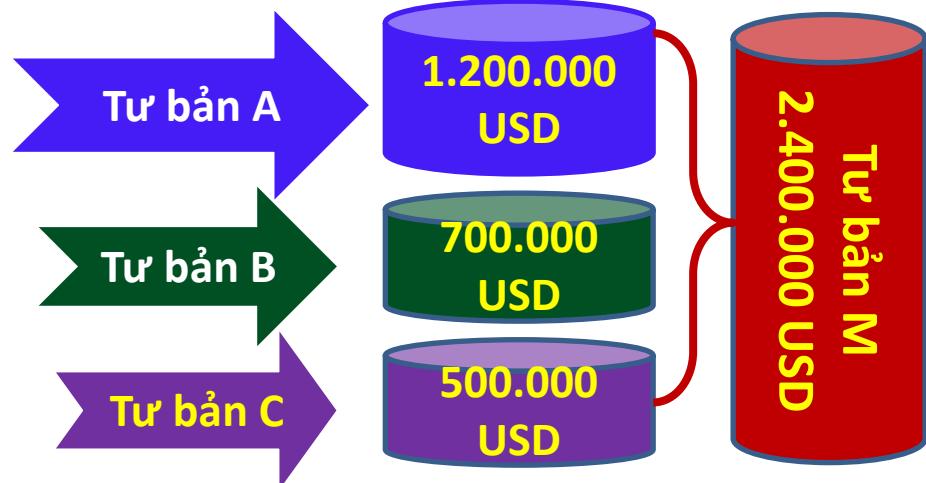
Tạo ra HH có giá trị:  $80 + 8 + 20 + 2 + 22 = 132$

Năm thứ 2 quy mô TBBB và TBKB đều tăng lên, giá trị thặng dư cũng tăng lên.

## ❖ Tích tụ và tập trung tư bản



Tích lũy tư bản xét về mặt **làm tăng quy mô một tư bản cá biệt** là **tích tụ tư bản**.



**Tập trung tư bản:** là sự tăng thêm quy mô của tư bản cá biệt bằng cách hợp nhất những tư bản cá biệt có sẵn thành 1 tư bản cá biệt khác lớn hơn.

## So sánh tích tụ tư bản và tập trung tư bản.

### Tích tụ tư bản

- **Làm tăng quy mô của tư bản cá biệt đồng thời làm tăng quy mô tư bản xã hội**

- **Thông qua quá trình tái sản xuất, kinh doanh mở rộng**

- **Tư bản lớn lên chậm**

### Tập trung tư bản

#### ➤ **Làm tăng quy mô của tư bản**

- **Chỉ làm tăng quy mô của tư bản cá biệt (thay đổi sự sắp xếp về lượng của các bộ phận cấu thành tư bản xã hội).**

- **Thông qua cạnh tranh, thông qua góp vốn, sáp nhập...**

- **Tư bản lớn nhanh**

- **Phục vụ mục đích ra đời các ngành cần có lượng tư bản lớn hoặc các công ty cổ phần.**

## ❖ Cấu tạo hữu cơ của tư bản

Cấu tạo kỹ thuật	Cấu tạo giá trị	Cấu tạo hữu cơ
$\frac{C}{V}$	$\frac{C}{V}$	$\frac{C}{V}$
<b>Tỷ lệ được tính bằng số lượng nhân công đảm nhận khôi lượng máy móc</b>	<b>Tỷ lệ được tính bằng tiền (tiền mua TLSX và tiền trả lương cho nhân công)</b>	<b>Là cấu tạo giá trị do cấu tạo kỹ thuật quyết định và phản ánh sự thay đổi của cấu tạo kỹ thuật</b>

**Cấu tạo hữu cơ** của tư bản **là cấu tạo giá trị** của tư bản, **do cấu tạo kỹ thuật quyết định** và **phản ánh sự thay đổi** của **cấu tạo kỹ thuật** của tư bản

### 3.3 CÁC HÌNH THỨC BIỂU HIỆN CỦA GIÁ TRỊ THĂNG DƯ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

Lợi nhuận, lợi tức, địa tô

#### 3.3.1. Lợi nhuận

- **Chi phí sản xuất TBCN:** là chi phí mà nhà tư bản bỏ ra để sản xuất hàng hóa

Chi phí sản xuất TBCN (k)

$$k = c + v$$

$$\rightarrow W = c + v + m$$

Chi phí thực tế xã hội

$$W = c + v + m$$

$$W = k + m$$

**Lợi nhuận (p):** là số tiền lời mà nhà tư bản thu được sau khi bán hàng hóa do có sự chênh lệch giữa giá trị hàng hóa và chi phí SX tư bản

$$W = c + v + m$$

$$W = k + p$$



$$C+V+M = 100+50+\textcolor{blue}{50}=200$$

ngang giá  $M=P=\textcolor{blue}{50}$

Cung < cầu =>  $P>M$

bán giá 220 =>  $P=20+\textcolor{blue}{50}=70$

Cung > cầu =>  $P<M$

bán giá 180=>  $P=\textcolor{blue}{50}-20=30$

➤ Bản chất lợi nhuận

✓ So sánh giữa m và p:

- **Về lượng:** p và m thường không bằng nhau do cung cầu quyết định. Nhưng xét phạm vi toàn xã hội thì **tổng m = tổng p**
- **Về chất:** p và m là một, đều **có chung nguồn gốc là kết quả của lao động**. p là hình thái biểu hiện của m trên bề mặt của nền KTTT. P phản ánh sai lệch bản chất QHSX TBCN vì nó làm ta tưởng rằng m không phải do v tạo ra mà do (c+v) tạo ra.

### 3.3.1. Lợi nhuận

➤ **Tỷ suất lợi nhuận ( $p'$ ):** là tỷ lệ % giữa giá trị thặng dư và toàn bộ tư bản ứng trước

$$p' = \frac{m}{c + v} \times 100\%$$

- So sánh giữa  $m'$  và  $p'$ 
  - Về lượng:  $p' < m'$

$$p' = \frac{m}{c+v} \times 100 \% \text{ còn } m' = \frac{m}{v} \times 100 \%$$

$$c+v+m=100 \quad (30+35+35)$$

$$m'=35/35 \quad (100\%)= 100\%$$

$$p'=35/65(100\%) = 53.8\%$$

- **Về chất:**  $m'$  phản ánh trình độ bóc lột của nhà tư bản, còn  $p'$  nói lên mức doanh lợi của việc đầu tư.

### 3.3.1. Lợi nhuận

#### ➤ Các nhân tố ảnh hưởng đến tỷ suất lợi nhuận

-Tỷ suất giá trị thặng dư

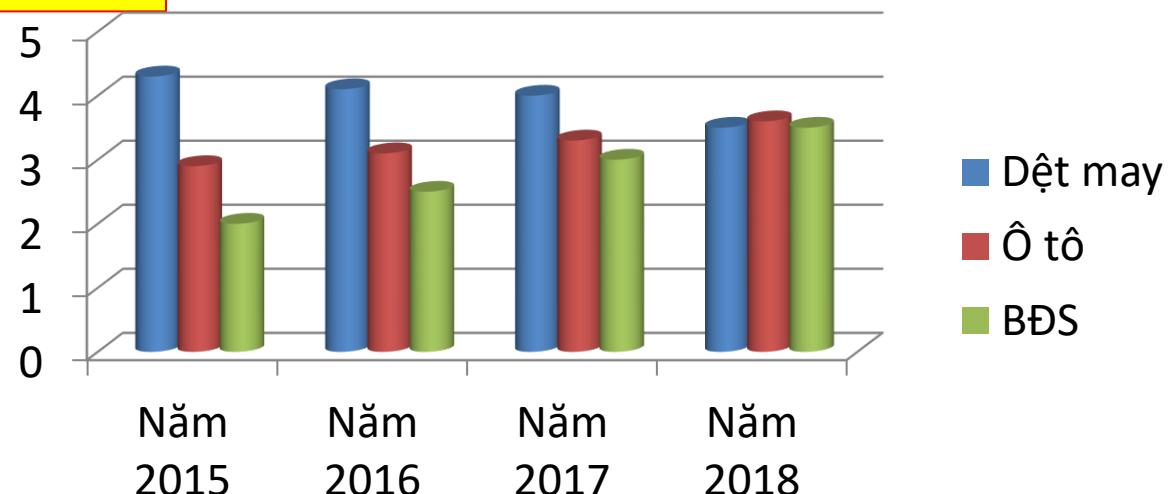
-Cấu tạo hữu cơ của tư bản ( $\frac{c}{v}$ )

-Tốc độ chu chuyển của tư bản.

-Tiết kiệm tư bản bất biến (c)

#### ➤ Lợi nhuận bình quân

- Kết quả của cạnh tranh giữa các ngành là hình thành tỷ suất lợi nhuận bình quân



## ➤ Lợi nhuận bình quân

**Tỷ suất lợi nhuận bình quân** là tỷ số tính theo phần trăm giữa tổng giá trị thặng dư và tổng số tư bản xã hội đã đầu tư vào các ngành của nền sản xuất TBCN, ký hiệu là  $\bar{p}'$ .



$$\bar{p}' = \frac{\sum m}{\sum(c+v)} \times 100 (\%)$$

➤ Lợi nhuận bình quân

- **Lợi nhuận bình quân** là số lợi nhuận bằng nhau của những tư bản bằng nhau, đầu tư vào những ngành khác nhau, bất kể cấu tạo hữu cơ của tư bản thế nào, ký hiệu là  $\bar{p}$

$$\bar{p} = \bar{p}' \times k$$

- Cùng với sự hình thành tỷ suất lợi nhuận bình quân và lợi nhuận bình quân thì **giá trị hàng hóa chuyển thành giá cả sản xuất**

$$\text{Giá cả sản xuất} = k + \bar{p}$$

### 3.3.1. Lợi nhuận

P thương nghiệp trước CNTB khác ntn so với P thương nghiệp CNTB?

#### ➤ Lợi nhuận thương nghiệp trong nền SXHH TBCN

Lợi nhuận TN trước CNTB là số chênh lệch giữa giá mua và giá bán ( mua rẻ bán đắt).



m được tạo ra



p TB công nghiệp



p TB thương nghiệp

Lợi nhuận thương nghiệp CNTB là **1 phần giá trị thặng dư** được **tạo ra trong lĩnh vực sản xuất** và do tư bản công nghiệp nhượng lại cho tư bản thương nghiệp để tư bản thương nghiệp thực hiện **chức năng lưu thông**.

## **- Lợi nhuận thương nghiệp dưới CNTB.**

**Khái niệm:** Lợi nhuận thương nghiệp là một **bộ phận** của **giá trị thặng dư** được tạo ra trong lĩnh vực SX và do nhà TB công nghiệp “nhượng” lại cho nhà TB thương nghiệp để nhà TB thương nghiệp tiêu thụ hàng hóa cho mình.

**Tại sao TB CN lại nhường một phần giá trị thặng dư cho TB TN?**

- + TBTN hoạt động trong lĩnh vực lưu thông , đây là một khâu, một giai đoạn của quá trình tái Sx
- + TB TN góp phần mở rộng quy mô Sx, mở rộng thị trường tạo điều kiện cho SX phát triển
- + TB TN đảm nhận khâu lưu thông nên TB CN tập trung vào đẩy mạnh SX, tăng tốc độ chu chuyển của TB và tạo ra năng suất lao động tăng , lợi nhuận tăng.

Ví dụ: ( Giả định không có các loại chi phí lưu thông)

Một nhà TB CN có số tư bản ứng ra là 800; c/v = 7/1 ; m' = 100% thì giá trị hàng hóa:  $W = 700 + 100 + 100 = 900$

Tỷ suất lợi nhuận công nghiệp là:

$$p' = \frac{100}{800} \cdot 100\% = 12.5\%$$

Khi có TB TN tham gia vào quá trình kinh doanh thì:  
Giả định TB TN ứng ra 200 để tham gia thì tư bản ứng trước là:  $800 + 200 = 1.000$ . Tỷ suất lợi nhuận bình quân sẽ giảm xuống:

$$p' = \frac{100}{800 + 200} \cdot 100\% = 10\%$$

Tỷ suất lợi nhuận chung là 10%, tức là TB CN chỉ thu được 10% lợi nhuận của số TB ứng ra (tức 10% của 800). Vì vậy, TB CN sẽ bán hàng cho TB TN theo giá cả sản xuất là:  $800 + 80 = 880$

TB TN sẽ bán hàng hóa cho người tiêu dùng bằng với giá trị của HH:  $W = 900$  và họ thu được 20, tức 10% lợi nhuận so với số TB họ ứng ra là 200

=> Như vậy, lợi nhuận thương nghiệp có nguồn gốc từ giá trị thặng dư

## 6.2.2 Tư bản cho vay và lợi tức cho vay

**So sánh sự khác nhau giữa lợi tức tiền (trước) TBCN và lợi tức TBCN?**

### ❖ Sự hình thành tư bản cho vay



**TB cho vay trong CNTB:** Là 1 bộ phận giá trị thặng dư mà mà nhà TB đem đi đầu tư dưới hình thức cho vay.

- ❖ Tư bản cho vay xuất hiện trước CNTB, xuất hiện từ rất sớm. TB cho vay trước CNTB là hình thức cho vay lãi lãi cao (vay nặng lãi).
- ❖ Tư bản cho vay trong CNTB khác với TB cho vay trước CNTB. TB cho vay trong CNTB là một bộ phận của TB tiền tệ trong tuần hoàn của TB công nghiệp tách ra và vận động độc lập.



- ❖ Công thức vận động  $T - T'$   
 $T' = T + z.$

Z



Tư bản cho vay là tư bản tiền tệ mà người chủ của nó cho người khác vay nhằm thu một số tiền lời nhất định. Số tiền lời đó gọi là lợi tức (Z)

Lợi tức trước CNTB là số tiền lời mà người đi vay trả cho người cho vay, dưới hình thức vay lãi cao (cho vay nặng lãi).

### 3.3.2. LỢI TỨC

**Lợi tức CNTB (z)** chính là một phần của lợi nhuận bình quân mà nhà tư bản đi vay phải trả cho nhà tư bản **cho vay** căn cứ vào lượng tư bản tiền tệ mà nhà tư bản cho vay đã bỏ ra cho nhà tư bản **cho vay** sử dụng

$$0 < z < \bar{p}$$

**Tỷ suất lợi tức:** là tỷ lệ % giữa tổng số lợi tức và số tư bản tiền tệ cho vay (tính theo tháng, quý, năm...), ký hiệu là z'

$$z' = \frac{z}{Tổng\ tư\ bản\ cho\ vay} \times 100\ (%)$$

### 3.3.2. LỢI TỨC

**Đặc điểm tư bản cho vay  
trong CNTB**

Quyền sử dụng  
tách quyền sở hữu

Là hình thái được  
sùng bái nhất

Là HH đặc biệt: Sau  
khi sử dụng, giá trị  
được bảo tồn và  
tăng lên

## Tỷ suất lợi tức ( Z' )

- ❖ Là tỷ số tính theo phần trăm giữa lợi tức và số tiền cho vay

$$Z' = \frac{Z}{k} (100\%)$$

Z' : Tỷ suất lợi tức

Z: Lợi tức

k: Tư bản cho vay

## ❖ LNBQ và lợi tức, tỷ suất LNBQ và tỷ suất lợi tức

- Một tư bản A đầu tư 100 tỷ với **tỷ suất lợi nhuận bình quân 15%/năm ( $\bar{P}'$ )**. Tư bản A đi vay của tư bản M 50% vốn **với tỷ suất lợi tức (lãi suất) 10% năm (z')**. Sau một năm:

Lợi tức nhà tư bản A trả cho tư bản M:

$$50 \text{ tỷ} \times 10\% = 5 \text{ tỷ} (z)$$

Lợi nhuận bình quân:

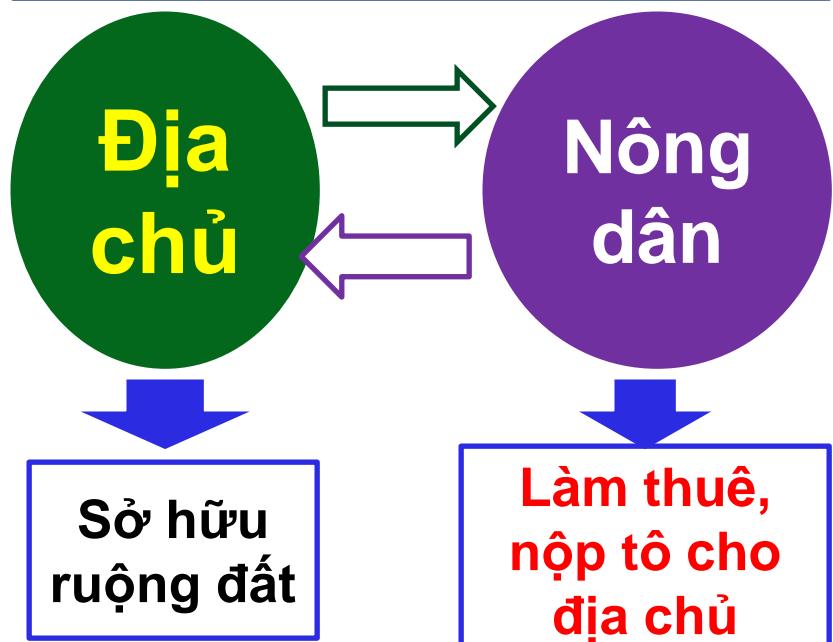
$$100 \text{ tỷ} \times 15\% = 15 \text{ tỷ} (\bar{P})$$

Nhà tư bản A thu được:  $15 - 5 = 10 \text{ tỷ} (\bar{P}_1)$

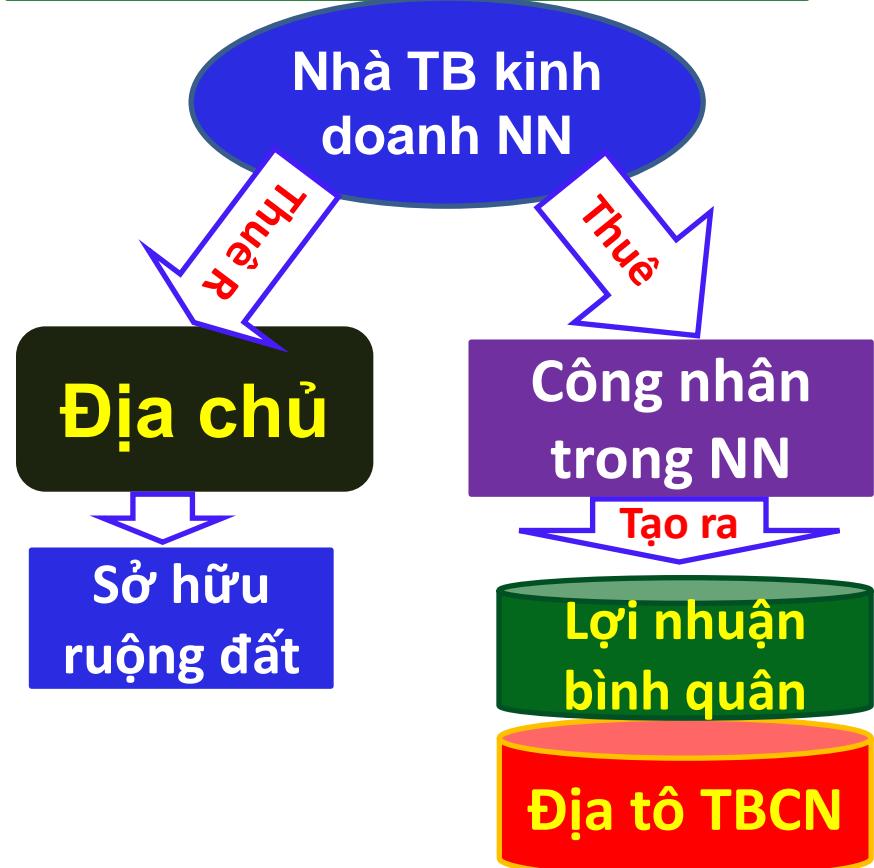
Nhà tư bản cho vay M thu được:  $5 \text{ tỷ} (z=\bar{P}_2)$

### 3.3.3. Địa tô tư bản chủ nghĩa

#### Quan hệ SX nông nghiệp (P. Kiến)



#### QHSX nông nghiệp (TBCN)



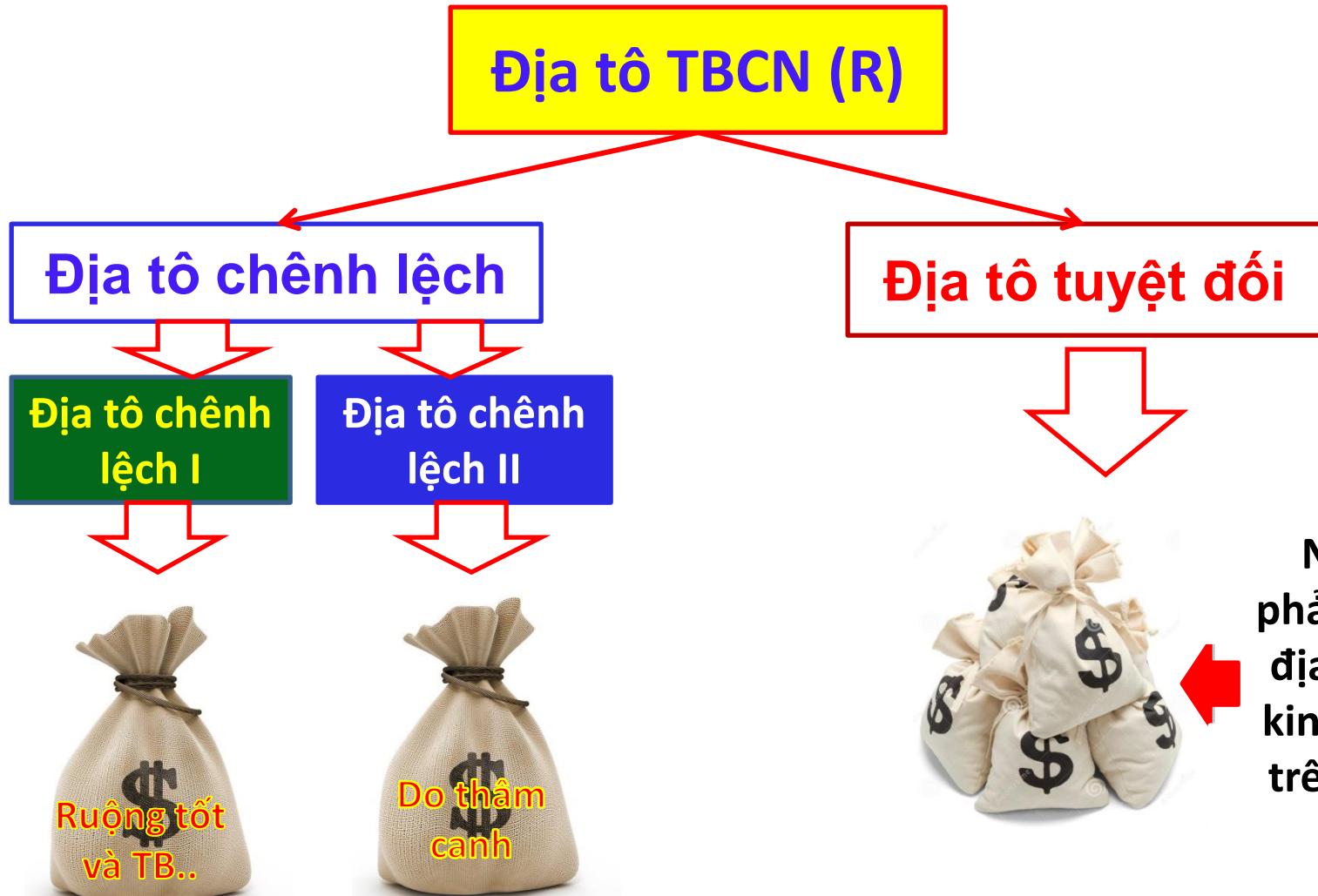
### 3.3. Địa tô tư bản chủ nghĩa

**Địa tô TBCN (R) là phần giá trị thặng dư còn lại (sau khi đã khấu trừ LN bình quân) mà TB kinh doanh nông nghiệp phải nộp cho địa chủ**



**Địa tô TBCN** khác với **địa tô phong kiến**. Địa tô PK phản ánh QHSX giữa 2 giai cấp. Địa tô TBCN phản ánh QHSX 3 giai cấp.  
**Địa tô TBCN** luôn nhỏ hơn **địa tô phong kiến**

### 3.3. Địa tô tư bản chủ nghĩa



Nhà TB  
phải trả cho  
địa chủ dù  
kinh doanh  
trên ruộng  
nào

# Địa tô chênh lệch

Là phần P siêu ngạch ngoài P bình quân thu được trên ruộng đất có điều kiện SX thuận lợi hơn. Nó là số chênh lệch giữa giá cả SX chung được quyết định bởi điều kiện SX trên ruộng đất xấu nhất và giá cả SX trên ruộng đất tốt và TB.

Địa tô  
chênh  
lệch 1

Địa tô  
chênh  
lệch 2

# Phân loại địa tô trong CNTB

Địa tô chênh lệch

Địa tô tuyệt đối

Địa tô chênh  
lệch I

Địa tô chênh  
lệch II



Tô -> Màu mờ tự  
nhiên

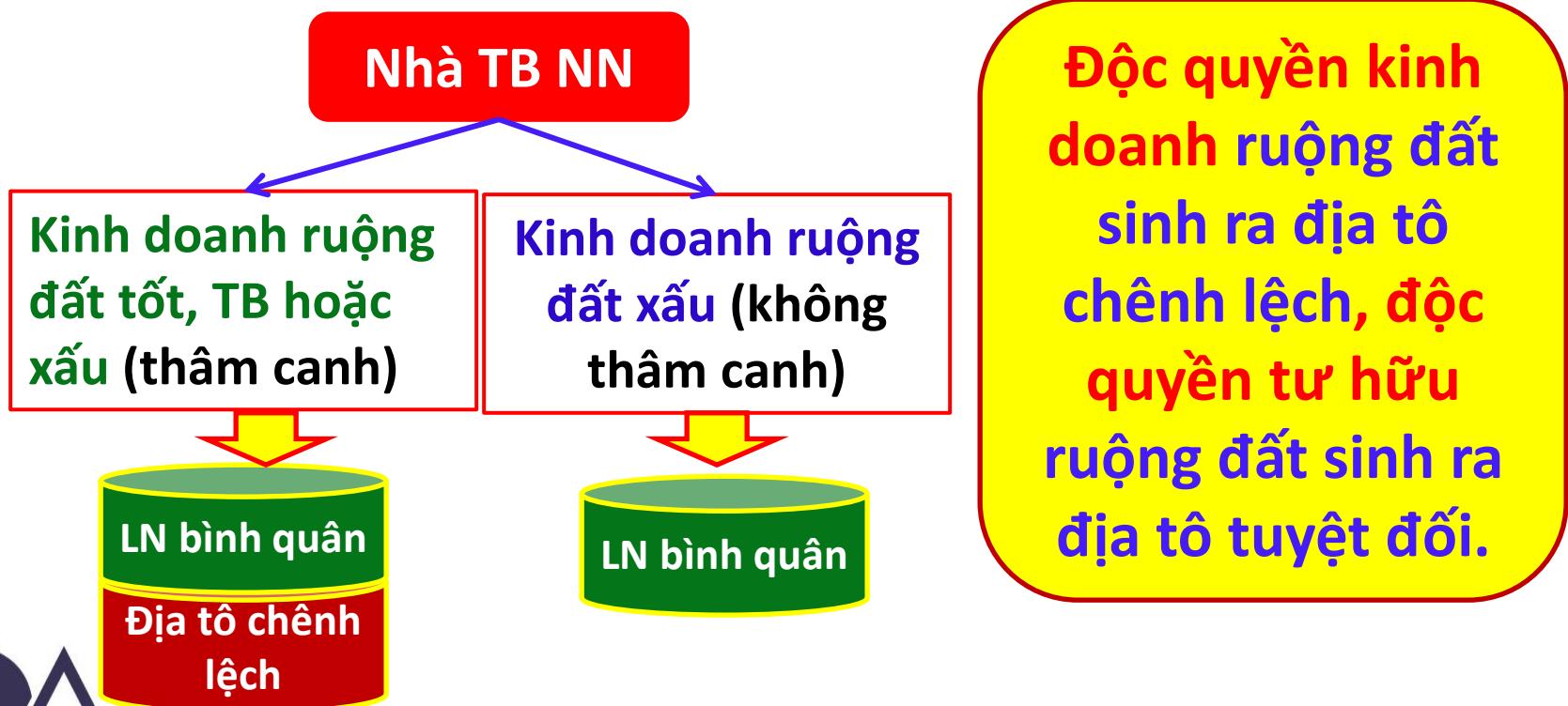


Tô -> Cải tạo đất

Tô -> thu  
được trên cả  
những loại  
đất tốt lẫn  
đất xấu

### 3.3.3. Địa tô tư bản chủ nghĩa

**Địa tô tuyệt đối:** là lợi nhuận siêu ngạch dôi ra ngoài LN bình quân, được hình thành do cấu tạo hữu cơ của TB trong NN luôn thấp hơn trong công nghiệp, nó là số chênh lệch giữa giá trị nông phẩm và giá cả SX chung



### 3.3.3. Địa tô tư bản chủ nghĩa

Trong công nghiệp



Những nhà  
TB xuất sắc  
tạo ra

Trong nông nghiệp



LN Siêu ngạch  
(địa tô chênh lệch)

Độc quyền tư  
hữu ruộng đất  
tạo ra

Độc quyền KD  
ruộng đất tạo ra

## So sánh địa tô chênh lệch và địa tô tuyệt đối

Địa tô chênh lệch

Địa tô tuyệt đối

Giống nhau



Là lợi nhuận siêu ngạch, nguồn gốc đều từ giá trị thặng dư

Khác nhau

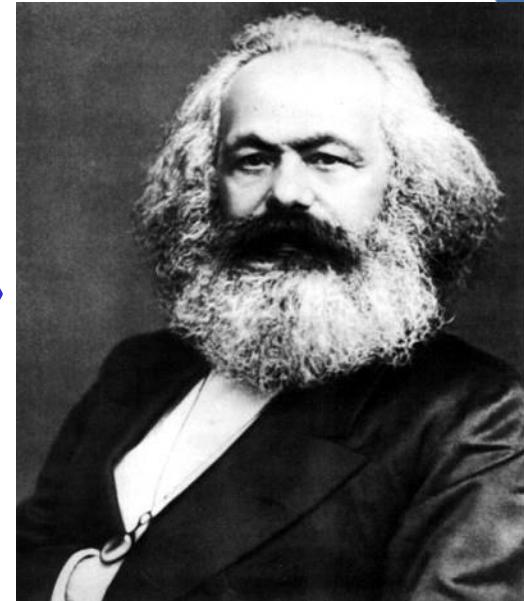


Độc quyền kinh doanh ruộng đất

Độc quyền tư hữu ruộng đất

❖ Giá cả đất đai

**Giá cả ruộng đất là phạm trù kinh tế bất hợp lý. Giá cả ruộng đất là hình thức địa tô tư bản hóa. Giá cả ruộng đất là giá mua quyền thu địa tô do ruộng đất mang lại .**



**Địa tô**

**Giá cả đất đai =  $\frac{Tỷ suất lợi tức nhận gửi của ngân hàng}{}$**

Một xí nghiệp có 1.000 công nhân, tư bản đầu tư (C+V) là 2.000.000 USD, cấu tạo hữu cơ (C/V) là 4/1, tỷ suất giá trị thặng dư ( m' ) là 200%.

Tính giá trị thặng dư do 1 công nhân tạo ra ?

$$C = 1.600.000 \quad V = 400.000$$

$$m' = m/v \cdot 100\% \Rightarrow m' = 200\% \Rightarrow m = 2v = 400.000 * 2 = 800.000$$

1 CN thì DN thu được giá trị thặng dư là 800 usd.

**CHÂN THÀNH  
CẢM ƠN!**